

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
TUẦN 8 (TỪ 25/10 ĐẾN 30/10/2021)

1. MÔN: GDCD 8

A. LÝ THUYẾT (Nội dung cần học)

Câu 1:

a/ Thế nào là lễ phải?

Lễ phải là những điều được coi là đúng đắn, phù hợp đạo lí và lợi ích chung của xã hội.

b/ Ý nghĩa của tôn trọng lễ phải:

Tôn trọng lễ phải giúp:

Mọi người có cách ứng xử phù hợp;

Làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội;

Thúc đẩy xã hội ổn định và phát triển.

Câu 2:

a) Khái niệm:

Tôn trọng người khác là:

- Đánh giá đúng mức, coi trọng danh dự phẩm giá và lợi ích của người khác.

- Thể hiện lối sống có văn hoá của mỗi người

b) Ý nghĩa:

- Có tôn trọng người khác :

+ Nhận được sự tôn trọng người khác đối với mình

+ Là cơ sở để quan hệ xã hội trở nên lành mạnh .

- Phải tôn trọng mọi người ở mọi lúc, mọi nơi, trong cử chỉ, lời nói và hành động.

Câu 3:

a/ Khái niệm

Giữ chữ tín là :

Coi trọng lòng tin của mọi người đối với mình

Biết trọng lời hứa và tin tưởng nhau

b/ Ý nghĩa

Người biết giữ chữ tín sẽ

Nhận được sự tin cậy, tín nhiệm của mọi người

Đễ dàng đoàn kết và hợp tác với nhau.

Câu 4:

a.) Đặc điểm cơ bản của tình bạn trong sáng, lành mạnh:

- Phù hợp quan niệm sống

- Bình đẳng và tôn trọng nhau

- Chân thành, tin cậy và có trách nhiệm với nhau

- Thông cảm, đồng cảm sâu sắc với nhau

b. Ý nghĩa của tình bạn trong sáng, lành mạnh:

Tình bạn trong sáng, lành mạnh giúp:

- Cuộc sống ấm áp, tự tin hơn;
- Biết tự hoàn thiện để sống tốt hơn.

Câu 5: Lao động tự giác và sáng tạo?

- Lao động tự giác: là chủ động làm việc, không đợi ai nhắc nhở, không phải do áp lực từ bên ngoài.
- Lao động sáng tạo: là luôn suy nghĩ, cải tiến, tìm tòi cái mới, tìm ra cách giải quyết mới đạt hiệu quả cao nhất

B. DẶN DÒ:

- Học kỹ những nội dung trên.
- Xem lại bài tập ở sgk của những bài trên, tìm thêm các biểu hiện khác.

Tuần 9: Kiểm tra đánh giá giữa kỳ1 .

-----HẾT-----

2. MÔN: MỸ THUẬT 8

BÀI 5 : KIỂM TRA GIỮA HKI VẼ TĨNH VẬT : LỌ VÀ QUẢ (TIẾT 2 : VẼ MÀU)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Quan sát, nhận xét :

- Màu sắc chính của mẫu (lọ, quả, nền).
- Các độ đậm nhạt của mẫu.

2. Cách vẽ màu :

- Nhìn mẫu để phác hình.
- Phác các mảng màu đậm, nhạt chính ở lọ, quả, nền.
- Vẽ màu, điều chỉnh cho sát với mẫu.

Lưu ý :

- Các vật đặt cạnh nhau, màu sắc sẽ có ảnh hưởng qua lại.
- Cần vẽ màu có đậm, có nhạt để tạo không gian cho tranh.

B. LUYỆN TẬP:

Học sinh hoàn thành bài Vẽ màu : vẽ tĩnh vật : Lọ và Quả để lấy điểm kiểm tra giữa HKI.

C. ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM :

Loại Đạt: (5-10d)

Biết sắp xếp bố cục hình ảnh trong bài sao cho có chính, phụ, xa, gần, có bố cục ấn tượng, hút mắt.

Dụng hình đúng tỉ lệ của từng vật, tỉ lệ tương đối giữa lọ và quả, đúng cấu trúc hình khối trụ của lọ hoa và hình khối cầu của quả.

Nét vẽ uyển chuyển mềm mại, không sao chép .

Màu sắc nổi bật trọng tâm, có sự phối hợp màu sắc ăn ý, tươi sáng hài hòa.

Loại chưa đạt : (0-4d)

Bài chưa xác định được bố cục hoặc bố cục quá rời rạc.

Dụng hình sai tỉ lệ, sai hình dáng cơ bản cần có.

Chưa vẽ hình hoặc hình vẽ không rõ ràng.

Chưa vẽ màu.

-----HẾT-----

3. MÔN: NGỮ VĂN 8

CHỦ ĐỀ: LÀM VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

A. LÝ THUYẾT: NỘI DUNG GHI BÀI:

BÀI: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

I. Dàn ý của bài văn tự sự

1. Tìm hiểu dàn ý của một bài văn tự sự.

* Bài văn: Món quà sinh nhật

* Nhận xét:

Bố cục: 3 phần.

- MB: từ đầu => trên bàn: tả lại quang cảnh chung ngày sinh nhật.
- TB: Tiếp => không nói: Kể về món quà sinh nhật độc đáo...
- KB: còn lại: Cảm nghĩ của Trang

- Sự việc được kể: Trong ngày sinh nhật Trang nhận được món quà đặc biệt.

- Người kể chuyện: Trang - ngôi thứ nhất.

- Nhân vật chính:

+Trang: hồn nhiên vô tư, dễ xúc động.

+Trình: hiền lành, nhỏ nhẹ, chu đáo, trân trọng tình bạn.

2. Dàn ý bài văn tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm.

SGK/ 95

II. Luyện tập

Bài 1. Lập dàn ý cho truyện “Cô bé bán diêm”

A. **Mở bài:** Giới thiệu quang cảnh đêm giao thừa và gia cảnh của em bé bán diêm

B. **Thân bài:**

- Không bán được diêm nên em bé không dám về nhà sợ bố đánh.

- Em tìm một góc tường ngồi tránh rét

- Sau đó em bé đánh liều đánh các que diêm để sưởi ấm cho mình.
- Mỗi lần quẹt diêm em lại thấy hiện lên một viễn cảnh đẹp đẽ và ấm áp và mỗi khi quẹt diêm tắt thì em lại trở về với thực tại của bản thân mình.
- Các yếu tố miêu tả và biểu cảm được đan xen trong quá trình kể chuyện về cô bé. Sau mỗi lần quẹt diêm mộng tưởng cũng như cảnh thực sau khi diêm tắt đều được miêu tả rất sinh động. Kèm theo đó là những suy nghĩ tâm trạng của nhân vật.

C. Kết bài: Em bé bán diêm đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa. Người qua đường không ai biết được cái điều kì diệu mà em bé đã trông thấy

Bài tập 2: Lập dàn ý cho đề bài: Hãy kể về một kỉ niệm với người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi.

LUYỆN NÓI: KỂ CHUYỆN THEO NGÔI KỂ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

1. Ôn tập về ngôi kể

- Kể theo ngôi thứ nhất: Là người kể xưng *tôi*

Kể theo ngôi thứ nhất, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình mình nghe, trải qua, có thể trực tiếp nói những suy nghĩ, tình cảm của

-> tăng tính chân thực, tính thuyết phục của câu chuyện.

- Kể theo ngôi thứ ba:

Là người kể giấu mình đi, gọi tên các nhân vật bằng tên gọi của chúng. Cách kể này giúp người kể có thể kể một cách linh hoạt, tự do diễn tả những gì xảy ra với các nhân vật.

- Có khi trong một truyện, người viết dùng ngôi kể khác nhau (thay đổi ngôi kể) để soi chiếu sự việc, nhân vật bằng các điểm nhìn khác nhau, tăng tính sinh động, phong phú khi miêu tả sự vật, sự việc, con người.

2. Luyện nói

Bài 1 : Kể lại câu chuyện về chị Dậu đối phó với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ chồng theo lời của nhân vật chị Dậu (ngôi thứ nhất).

Bài 2: Kể lại tình huống em được gọi lên trả bài môn lịch sử.

B. LUYỆN TẬP

Kể lại tình huống em được ba mẹ dẫn đi công viên nước vào ngày sinh nhật lần thứ 14 của mình.

DẶN DÒ:

Ngày 1/11/2021, các em sẽ thi GHK1 môn ngữ văn

Thời gian: 60 phút

Hình thức: tự luận

NỘI DUNG ÔN TẬP KT GHK1

- Kỹ năng đọc hiểu văn bản.
 - HS nắm được kiến thức về thể loại, PTBĐ
 - HS xác định được nội dung đoạn văn, văn bản, chi tiết ý nghĩa...
- Kiến thức về Tiếng Việt:
 - Từ tượng thanh, từ tượng hình
 - Trường từ vựng
 - Trợ từ, thán từ, tình thái từ
- Rèn kỹ năng viết đoạn văn tự sự (khoảng 15 câu) theo một tình huống cho sẵn
- ***Xem kỹ 2 video hướng dẫn ôn tập kiểm tra giữa học kỳ 1.***

-----HẾT-----

4. MÔN: TIN HỌC 8

ÔN TẬP

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Bài 1. MÁY TÍNH VÀ CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH

1) Chương trình máy tính là gì?

Chương trình máy tính là một dãy các câu lệnh mà máy tính có thể hiểu và thực hiện được.

2) Nêu các từ khóa và ý nghĩa của các từ khóa đó?

- Program: Khai báo tên chương trình
- Uses: Khai báo tên công cụ
- Begin: Bắt đầu phần thân chương trình
- End: Kết thúc phần thân chương trình

3) Các quy tắc đặt tên của ngôn ngữ lập trình?

- Không được đặt tên trùng nhau
- Tên không được trùng với từ khóa
- Tên không được bắt đầu bằng chữ số và không được chứa kí tự trống.
- Tên phải ngắn gọn, dễ nhớ và dễ hiểu.

4) Cấu trúc chung của chương trình có mấy phần, đó là phần nào?

Cấu trúc chương trình có 2 phần đó là: Phần khai báo và phần thân

Bài thực hành 1. LÀM QUEN VỚI FREE PASCAL

1) Cuối mỗi câu lệnh trong Pascal là dấu gì?

Cuối mỗi câu lệnh trong Pascal là dấu chấm phẩy “ ; ”

2) So sánh lệnh Write và Writeln?

- **Giống nhau:** thông báo ra màn hình
- **Khác nhau:** lệnh Writeln đưa con trỏ xuống đầu dòng tiếp theo, còn lệnh write thì không.

Bài 3. CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH VÀ DỮ LIỆU

1) *Nêu tên kiểu dữ liệu cơ bản của ngôn ngữ lập trình Pascal?*

- Byte, integer: số nguyên.
- Real: số thực.
- Char: một kí tự
- String: xâu kí tự

2) *5000 thuộc kiểu dữ liệu nào ?*

→ 5000 thuộc kiểu dữ liệu Integer.

3) *' 300 ' thuộc kiểu dữ liệu nào ?*

→ ' 300 ' thuộc kiểu dữ liệu String

4) *45.5 thuộc kiểu dữ liệu nào ?*

→ 45.5 thuộc kiểu dữ liệu Real

5) *Nêu kí hiệu của các phép toán số học trong ngôn ngữ Pascal?*

- Phép cộng : +
- Phép trừ: -
- Phép nhân: *
- Phép chia: /
- Phép chia lấy phần nguyên: **Div**
- Phép chia lấy phần dư: **Mod**

6) *Viết biểu thức toán $2y^3 + 7y + 3$ với các kí hiệu trong ngôn ngữ Pascal:*

→ $2*y*y*y + 7*y + 3$

7) *Nêu kí hiệu của các phép so sánh trong ngôn ngữ Pascal?*

Kí hiệu phép so sánh trong ngôn ngữ Pascal :

- Bằng: =
- Nhỏ hơn: <
- Lớn hơn: >
- Khác: <>
- Nhỏ hơn hoặc bằng: <=
- Lớn hơn hoặc bằng: >=

8) *Cho biết kết quả của phép so sánh sau:*

a) $8*2 > 15$

b) $(5+3)*2 \geq 20$

→ a): Đúng, b): sai

9) Câu lệnh `writeln('20*3 + 5 =', 20*3+5)` sẽ in thông tin gì ra màn hình?

→ In thông tin : $20*3 + 5 = 65$

Bài thực hành 2. VIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐỂ TÍNH TOÁN

1) Lệnh tạm ngừng chương trình chờ nhấn phím Enter là nào?

→ Lệnh `Readln`

2) Lệnh tạm ngừng chương trình trong vòng $x/1000$ giây là lệnh nào?

→ Lệnh `Delay(x)`

3) Lệnh `Delay(50000)` sẽ tạm ngừng chương trình trong bao nhiêu giây?

→ Ngừng 50 giây

Bài 10. LÀM QUEN VỚI GIẢI PHẪU CƠ THỂ NGƯỜI BẰNG PHẦN MỀM ANATOMY

Phần mềm Anatomy giúp các em học được gì?

→ Phần mềm Anatomy giúp em tìm hiểu về “ Giải phẫu cơ thể người ” trong bộ môn sinh học.

B. LUYỆN TẬP:

1) Viết biểu thức toán $8x^3 + 10x + 3$ với các kí hiệu trong ngôn ngữ Pascal?

2) Câu lệnh `writeln('40*2 + 15 =', 40*2 + 15)` sẽ in thông tin gì ra màn hình?

C. DẶN DÒ

Các em ôn bài thật tốt tuần sau kiểm tra giữa kỳ 1.

-----HẾT-----

5. MÔN: THỂ DỤC 8

KIỂM TRA GIỮA KÌ 1:

1. Nội dung: Bài thể dục liên hoàn.



2. Mục tiêu cần đạt:

- Biết cách thực hiện bài thể dục phát triển chung liên hoàn 35 nhịp.
- Thực hiện cơ bản đúng toàn bài.

3. Hình thức kiểm tra:

Học sinh quay video toàn bài thể dục do mình thực hiện và gửi cho giáo viên qua Zalo hoặc Google Biểu mẫu.

4. Hình thức đánh giá, cho điểm:

Loại Đạt	Loại Chưa đạt
<ul style="list-style-type: none">- Kiến thức: Biết cách thực hiện Bài thể dục phát triển chung liên hoàn 35 nhịp.- Kỹ năng: Thực hiện cơ bản đúng Bài thể dục phát triển chung 35 nhịp.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh có từ 2 nhịp trở lên thực hiện sai, không thuộc.- Học sinh không nộp sản phẩm (video) đúng hạn do giáo viên quy định.

-----HẾT-----

6. MÔN: TIẾNG ANH 8

➤ TIẾT 22 + 23 + 24 : REVISION

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

TENSE :

1 – Present Simple – Hiện Tại Đơn

S(3, ít) + V(s/es)
S + do /does + not + Vb.i
Do/Does + S + Vb.i ?

2 – Present Continuous – Hiện Tại Tiếp Diễn

S+ am/is/are + V-ing
S + am/is/are + not + V-ing
Am/Is/Are + S + V-ing ?

3 – Simple past – Quá khứ đơn

S + V2/ED
S + didn't + Vb.i
Did + S + Vb.i ?

STRUCTURE :

1. Enough to : cùng thể cùng chủ từ

Điều kiện : cùng thể, cùng chủ từ

Cách nối :

Bước 1 : Viết lại mệnh đề chính (là mệnh đề có chứa Adj / Adv)

Bước 2 : ở mệnh đề phụ bỏ S và động từ đặc biệt. Đưa động từ chính về dạng To.V

2. Enough for + O + To. Verb

Điều kiện : Cùng thể, khác chủ từ

Cách nối :

Bước 1 : Viết lại mệnh đề chính (là mệnh đề có chứa Adj / Adv)

Bước 2 : ở mệnh đề phụ bỏ S và

- Đổi S → O và thêm for trước O

- Bỏ động từ đặc biệt. Đưa động từ chính về dạng To.V

3. Reflexive pronoun

Pronoun	possessive adjective	Reflexive pronoun
---------	----------------------	-------------------

I	My	Myself
You	Your	your self
She	Her	herself
He	His	Himself
it	its	itself
They	Their	themselves
We	Our	ourselves

4. Should + Vb.i = Ought to + Vb.i

Should not + Vb.i = Ought not + T. Verb

5. Must + Vb.i = have / has to + Vb.i

6. Be going = plan = intend + To. Verb

7. It's (not) + Adj + To. Verb

8. Công thức Word form :

- **Adj** + Noun
- A / an / the / this / that/ these / those + **Noun**
- Possessive Adjective / Người's + **Noun**
- Some / any /many/ several ... + **Noun**
- **Noun** + of + **noun**
- Be / look / feel / seem + **Adj**
- Buy / sell / give / have / bring + **Noun**
- Verb (trừ những động từ ở trên) + **Adv** (adj-ly)
- **Adv** (adj-ly), S + V
- S (**Noun**) + Verb
- Be + **Adv** + Adj / Ved-3

9. Vị Trí các tính từ trong câu

Opinion (quan điểm) - **Size** (kích thước) - **Age** (độ tuổi) - **Shape** (hình dạng) – **color** (màu sắc) – **Origin** (nguồn gốc) – **Material** (chất liệu) + **Noun** (danh từ)

B. Bài tập

1. Enough :

1. We don't have money . We can't buy two tickets .

.....

2. They had a lot of time . They could help you to solve the problem .

.....

3. Peter is rather short . He can't play basket ball .

.....

4. The test was very difficult . I couldn't do it in 15 minutes .

.....

5. Mr. Baker is poor . He can't buy everything for his children .

.....

6. The books were big . He hardly put them in the bag .

.....

2. Tense :

1. Ba's volunteer work helps himfriends . (make)
2. We like going shopping orto music in our free time . (listen)
3. Last night Iyou but youin . (call / not be)
4. I'd like youmy new classmate , Song – a football star . (meet)
5. At this time Janefood for the whole family . (cook)
6. Youread or write at the age of five ? (can)
7. Miss Karenus English this year . (teach)

3. Word form :

1. We enjoy themoments in the country life . (peace)
2. He wasbecause of his father's illness . (happy)
3. Nobody likes him because he often talks to everyone in away . (friend)
4. Theof the telephone has changed our lives a lot . (invent)
5. Hard work always brings (successfully)
6. We are working (busy)
7. The busy road is ato children . (dangerous)
8. Ao Dai is thedress of Vietnamese women . (tradition)
9. The fans cheeredwhen their favorite singer was on the stage . (excite)
- 10....., Ao Dai used to be worn by both men and women . (tradition)

4. Transformation :

1. They are strong. They can lift these boxes. (enough)

2. That room isn't large. We can't play in it. (enough)

3. She shouldn't work over ten hours a day. (ought to)

4. We must practice 5K in this time. (have / has to)

5. To do this exercise is very interesting. (It)

-----THE END-----

7A. MÔN: TOÁN - ĐẠI SỐ - LỚP 8

Bài 10,11: CHIA ĐA THỨC CHO ĐƠN THỨC

1/ Phép chia đa thức

Cho A, B là các đa thức ($B \neq 0$)

A chia hết cho B nếu có đa thức Q sao cho $A = B.Q$

(A là đa thức bị chia, B là đa thức chia, Q là đa thức thương)

Khi đó ta kí hiệu $A : B = Q$ hay $\frac{A}{B} = Q$

Ví dụ: a) Vì $2x.3x = 6x^2$ nên $6x^2 : 2x = 3x$ hoặc $6x^2 : 3x = 2x$

b) Vì $(x-1)(x+1) = x^2 - 1$ nên $(x^2 - 1) : (x+1) = x-1$ hay $(x^2 - 1) : (x-1) = x+1$

2/ Chia đơn thức cho đơn thức

a) **Quy tắc** (học khung/26)

b) **Áp dụng**

?1/26 Làm tính chia

a) $x^3 : x^2$

b) $15x^7 : 3x^2$

c) $20x^5 : 12x$

Giải.

a) $x^3 : x^2 = x^1$

b) $15x^7 : 3x^2 = 5x^5$

c) $20x^5 : 12x = \frac{5}{3}x^4$

?2/26 Tính

a) $15x^2y^2 : 5xy^2$

b) $12x^3y : 9x^2$

Giải.

a) $15x^2y^2 : 5xy^2 = 3x$

b) $12x^3y : 9x^2 = \frac{4}{3}xy$

NHÂN XÉT: Đơn thức A chia hết cho đơn thức B khi mỗi biến của B đều là biến của A và số mũ không lớn hơn số mũ của nó trong A.

VD: $3x^2y$ chia hết cho $5x$; $4x^2y^3$ không chia hết cho $2xy^4$

3/ Chia đa thức cho đơn thức

a) **Quy tắc** (học khung/27)

$$(M - N + P) : B = M : B - N : B + P : B$$

b) **Áp dụng**

Ví dụ. Tính

a) $(30x^4y^3 - 25x^2y^3 - 3x^4y^4) : 5x^2y^3$

b) $(4x^4 - 8x^2y^2 + 12x^5y) : (-4x^2)$

Giải.

$$\begin{aligned}
 & a)(30x^4y^3 - 25x^2y^3 - 3x^4y^4) : 5x^2y^3 \\
 & = (30x^4y^3 : 5x^2y^3) + (-25x^2y^3 : 5x^2y^3) + (-3x^4y^4 : 5x^2y^3) \\
 & = 6x^2 - 5 - \frac{3}{5}x^2y
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 & b)(4x^4 - 8x^2y^2 + 12x^5y) : (-4x^2) \\
 & = -4x^4 : 4x^2 + 8x^2y^2 : 4x^2 - 12x^5y : 4x^2 \\
 & = -x^2 + 2y^2 - 3x^3y
 \end{aligned}$$

Luyện tập

Bài 60/27

$$a)x^{10} : (-x)^8 = x^{10} : x^8 = x^2$$

$$b)(-x)^5 : (-x)^3 = (-x)^2$$

Bài 62/27

$$15x^4y^3z^2 : 5xy^2z^2 = 3x^3y$$

Thay $x = 2, y = -10, z = 2004$ vào biểu thức ta được

$$3 \cdot 2^3 \cdot (-10) = -240$$

Bài 63/28

Cho $A = 15xy^2 + 17xy^3 + 18y^2$ và $B = 6y^2$

A chia hết cho B vì các hạng tử $15xy^2, 17xy^3, 18y^2$ chia hết cho B

Bài 64/28

$$\begin{aligned}
 & a)(-2x^5 + 3x^2 - 4x^3) : 2x^2 \\
 & = -2x^5 : 2x^2 + 3x^2 : 2x^2 - 4x^3 : 2x^2 \\
 & = -x^3 + \frac{3}{2} - 2x
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 & b)(x^3 - 2x^2y + 3xy^2) : \left(-\frac{1}{2}x\right) \\
 & = -x^3 : \frac{1}{2}x + 2x^2y : \frac{1}{2}x - 3xy^2 : \frac{1}{2}x \\
 & = -2x^2 + 4xy - 6xy^2
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 & c)(3x^2y^2 + 6x^2y^3 - 12xy) : 3xy \\
 & = xy + 2xy^2 - 4
 \end{aligned}$$

Bài tập ở nhà:

Bài 1. Tính

$$a)9x^4 : 6x^2 \quad b)4x^3y : (-2x^2y) \quad c)x^2y^4 : \left(\frac{1}{3}y^3\right) \quad d)(-7x^5y^2z^3) : 14x^5yz$$

Bài 2. Tính

$$\begin{aligned}
 & a)(24x^2 - 16x^8) : 4x^2 \quad b)(25y^3 - 20xy^5 + 4y^2) : (-5y^2) \\
 & c)(x^2y^3 - 3x^8y^2 - 9x^3y) : 3x^2y \quad d)(-7x^3y^5 + 14x^4y^4 - 21x^3y^7) : (-7x^3y^4)
 \end{aligned}$$

$$e)(2x^3 + 3x^2 + 5x) : \left(\frac{1}{2}x\right)$$

$$g)(9x^2 - 3x^3 - 12x^5 + 21x^7) : 3x^2$$

7B. MÔN: TOÁN - HÌNH HỌC LỚP 8

BÀI 10: ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG VỚI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CHO TRƯỚC

LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1/Khoảng cách giữa hai đường thẳng song song

Định nghĩa: Khoảng cách giữa hai đường thẳng song song là khoảng cách từ một điểm tùy ý trên đường thẳng này đến đường thẳng kia

2/Tính chất đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước

Tính chất 1:

Các điểm cách đường thẳng b một khoảng h nằm trên 2 đường thẳng // với b và cách b một khoảng bằng h

Tính chất 2

Tập hợp các điểm cách một đường thẳng cố định một khoảng bằng h không đổi là hai đường thẳng song song với đường thẳng đó và cách đường thẳng đó một khoảng bằng h.

BÀI 11: HÌNH THOI – LUYỆN TẬP

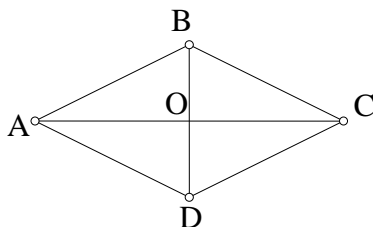
A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1/Định nghĩa:

Hình thoi là tứ giác có 4 cạnh bằng nhau

Tứ giác ABCD có $AB = BC = CD = DA$

Nên ABCD là hình thoi



2/Tính chất

Hình thoi có tất cả các tính chất của hình bình hành

Định lý:

Trong hình thoi: Hai đường chéo vuông góc với nhau

Hai đường chéo là đường phân giác các góc của hình thoi

3/ Dấu hiệu nhận biết

1/Tứ giác có 4 cạnh bằng nhau là hình thoi

2/Hình bình hành có hai cạnh kề bằng nhau là hình thoi

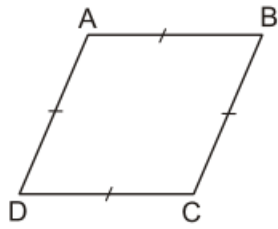
3/Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi

4/Hình bình hành có một đường chéo là đường phân giác của một góc là hình thoi

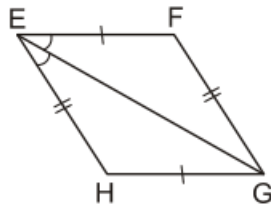
B. LUYỆN TẬP:

Bài tập 73 trang 105, 106 sgk toán 8 tập 1

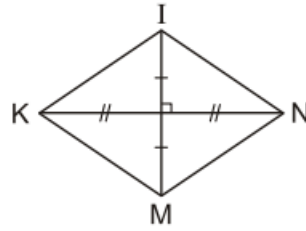
73. Tìm các hình thoi trên hình 102.



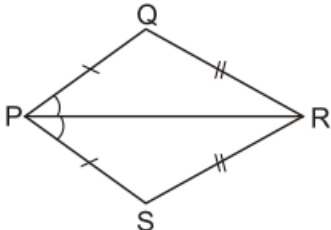
a)



b)

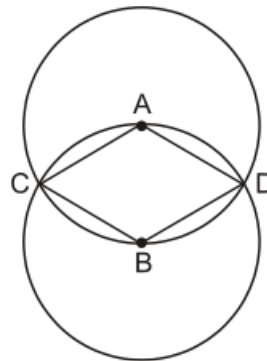


c)



d)

Hình 102



(A và B là tâm các đường tròn)

e)

Hướng dẫn Bài 73b/105

Tứ giác EFGH có

$$EF = GH \text{ (gt)}$$

$$EH = GF \text{ (gt)}$$

Nên EFGH là hình bình hành (tứ giác có 2 cặp cạnh đối bằng nhau)

Mà đường chéo EG là đường phân giác của góc E (gt)

Do đó EFGH là hình thoi (hình bình hành có đường chéo là phân giác của góc)

-----HẾT-----

8. MÔN: SINH HỌC 8

CHỦ ĐỀ: HỆ TUẦN HOÀN

BÀI 15: ĐÔNG MÁU VÀ NGUYÊN TẮC TRUYỀN MÁU

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. ĐÔNG MÁU:

Đông máu là một cơ chế bảo vệ cơ thể chống mất máu.

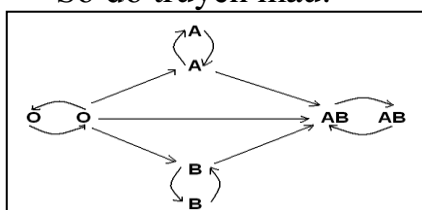
Sự đông máu liên quan đến hoạt động của tiểu cầu là chủ yếu, để hình thành một búi tơ máu ôm giữ các tế bào máu thành một khối máu đông bịt kín vết thương.

Cơ chế đông máu: học sơ đồ SGK

II. CÁC NGUYÊN TẮC TRUYỀN MÁU:

1. CÁC NHÓM MÁU Ở NGƯỜI:

- Ở người có 4 nhóm máu chính: O, A, B, AB.
- Sơ đồ truyền máu:



2. CÁC NGUYÊN TẮC CẦN TUÂN THỦ KHI TRUYỀN MÁU:

Khi truyền máu cần làm xét nghiệm trước để lựa chọn loại máu truyền cho phù hợp :

- Tránh tai biến (hồng cầu người cho bị kết dính trong huyết tương người nhận gây tắc mạch)
- Tránh bị nhận máu nhiễm các tác nhân gây bệnh.

B. LUYỆN TẬP:

- **Câu 1:** Trình bày cơ chế đông máu?
- **Câu 2:** Ở người có mấy nhóm máu chính? Nêu các nguyên tắc cần tuân thủ khi truyền máu.

C. DẪN DÒ:

Học sinh:

- Học thuộc bài ghi, làm bài tập.
- Đọc trước bài 16 SGK sinh học 8
- Xem mục “em có biết”.

CHỦ ĐỀ: HỆ TUẦN HOÀN

BÀI 16: TUẦN HOÀN MÁU VÀ LƯU THÔNG BẠCH HUYẾT

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. TUẦN HOÀN MÁU:

- Hệ tuần hoàn máu gồm tim và hệ mạch, tạo thành vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn:

- Đường đi của máu trong vòng tuần hoàn: (sơ đồ hình 16.1)

* Vòng tuần hoàn nhỏ dẫn máu qua phổi, giúp máu trao đổi khí O_2 và CO_2

* Vòng tuần hoàn lớn dẫn máu qua tất cả các tế bào của cơ thể để thực hiện sự trao đổi chất.

II. LƯU THÔNG BẠCH HUYẾT:

- Hệ bạch huyết gồm phân hệ lớn và phân hệ nhỏ.
- Hệ bạch huyết cùng với hệ tuần hoàn máu thực hiện chu trình luân chuyển môi trường trong cơ thể và tham gia bảo vệ cơ thể.

B. LUYỆN TẬP:

- **Câu 1:** Hệ tuần hoàn máu gồm những thành phần nào?
- **Câu 2:** Cấu tạo và chức năng của hệ bạch huyết?

C. DẶN DÒ:

Học sinh:

- Đọc phần em có biết
- Học thuộc bài ghi, làm bài tập.
- Ôn lại kiến thức các bài đã học từ tuần 1 → đến tuần 7 để chuẩn bị làm bài đánh giá giữa kì I vào tuần 9. (Học sinh lên trang web trường, trang lophoc.edu.vn để xem nội dung ôn tập và video ôn tập để ôn bài) .

-----HẾT-----

9. MÔN: HÓA HỌC KHỐI 8

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

I. KIẾN THỨC - KĨ NĂNG (NỘI DUNG BÀI GHI):

- Phân biệt vật thể tự nhiên là có sẵn trong tự nhiên, vật thể nhân tạo do con người tạo ra.
- Phân biệt đơn chất chỉ gồm một nguyên tố hóa học, hợp chất gồm hai nguyên tố hóa học trở lên.
- Phân biệt đơn chất kim loại, đơn chất phi kim
- Ý nghĩa của cách ghi liên quan kí hiệu hóa học.
- Từ kí hiệu hóa học biết tên nguyên tố hóa học, từ tên biết được kí hiệu hóa học.
- So sánh sự nặng nhẹ giữa các nguyên tử.
- Tính được phân tử khối của phân tử bất kì.
- Tính được khối lượng bằng gam của nguyên tử.
- Lập được công thức hóa học khi biết số nguyên tử của mỗi nguyên tố, hoặc hóa trị của nguyên tố.
- Tìm được hóa trị của nguyên tố dựa vào quy tắc hóa trị.
- Nêu được ý nghĩa của công thức hóa học gồm số nguyên tố tạo ra chất, số nguyên tử của mỗi nguyên tố, phân tử khối của phân tử.
- Phân biệt được hiện tượng vật lí là hiện tượng biến đổi nhưng vẫn giữ nguyên là chất ban đầu, hiện tượng hóa học là hiện tượng biến đổi có tạo ra chất khác.
- Nhận ra được dấu hiệu của phản ứng hóa học đó là có sự tạo thành chất mới.

II. VẬN DỤNG (HOÀN THÀNH CÁC CÂU HỎI)

Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1: Nhóm chỉ bao gồm các vật thể tự nhiên:

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| A. Sông, núi, cây bàng. | B. Xe máy, bàn, sách. |
| C. Cây mía, nhà, bút. | D. Tủ lạnh, nhà, biển. |

Câu 2: Dãy nào gồm các hợp chất:

- | | |
|---|--|
| A. HCl, S, CO ₂ | B. O ₂ , Mg, Ag |
| C. P ₂ O ₅ , S, C | D. K ₂ O, CaSO ₄ , SO ₃ |

Câu 3: Dãy nào gồm các đơn chất kim loại:

- | | |
|-------------|---------------|
| A. Cu, S, C | B. Mg, Ca, Ag |
| C. P, S, C | D. K, Ca, P |

Câu 4: Cách viết 2 H₂ chỉ ý gì:

- | | |
|------------------------------|------------------------------|
| A. Một phân tử khí hydrogen. | B. Hai phân tử khí hydrogen. |
|------------------------------|------------------------------|

C. Hai nguyên tử hydrogen. D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 5: Cho dãy kí hiệu hóa học các nguyên tố sau: Mg, S, Na. Tên của các nguyên tố theo thứ tự lần lượt là:

A. Manganese, iron, nitrogen.. B. Magnesium, iron, sodium.
C. Magnesium, sulfur, nitrogen. D. Magnesium, sulfur, sodium.

Câu 6: Một nguyên tử sắt nặng hay nhẹ, bằng bao nhiêu lần một nguyên tử silic. (Biết Si = 28, Fe = 56).

A. Nặng hơn, bằng 2 lần. C. Nhẹ hơn, bằng 0,5 lần.
B. Nặng hơn, bằng 4 lần. D. Bằng nhau.

Câu 7: Phân tử khối của Al_2O_3 là bao nhiêu? (O = 16, Al = 27)

A. 43 đvC B. 102 đvC
C. 70 đvC D. 75 đvC

Câu 8: Biết $1 \text{ đvC} = 0,16605 \cdot 10^{-23} \text{g}$, Al = 27. Khối lượng tính bằng gam của một nguyên tử Al là:

A. $8,2988 \cdot 10^{-23} \text{g}$. B. $9,9288 \cdot 10^{-23} \text{g}$.
C. $4,48335 \cdot 10^{-23} \text{g}$. D. $9,2988 \cdot 10^{-23} \text{g}$.

Câu 9: Phân tử Potassium sulfate gồm 2K, 1S, 4O có công thức hóa học là:

A. KSO_4 . B. $2KSO_4$.
C. K_2SO_4 . D. K_2SO_4

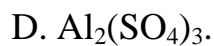
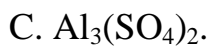
Câu 10: Công thức hóa học $CuSO_4$ cho biết điều gì?

A. Do 3 nguyên tố Cu, S, O tạo nên chất.
B. Gồm 1 Cu, 1 S, 4 O trong phân tử.
C. Phân tử khối là 160 đvC.
D. Cả 3 ý trên đều đúng.

Câu 11: Cho các công thức sau: FeO, $FeCl_2$, iron (Fe) có hóa trị lần lượt: (biết Cl có hóa trị I)

A. II, I B. I, II
C. II, II D. II, III

Câu 12: Hãy chọn công thức hóa học đúng của Al(III) và nhóm SO_4 (II)



Câu 13: Cho biết đâu là hiện tượng vật lí

A. Hòa tan đường vào nước tạo thành nước đường

B. Phân hủy đường tạo thành than và nước

C. Đốt sulfur trong khí oxygen tạo thành khí có mùi hắc.

D. Dao kéo để ngoài không khí bị gỉ.

Câu 14: Dấu hiệu nào nhận biết có phản ứng hóa học xảy ra

A. Có chất rắn tạo thành

B. Có khí sinh ra.

C. Phát sáng, tỏa nhiệt

D. Cả A, B, C đều đúng

III. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

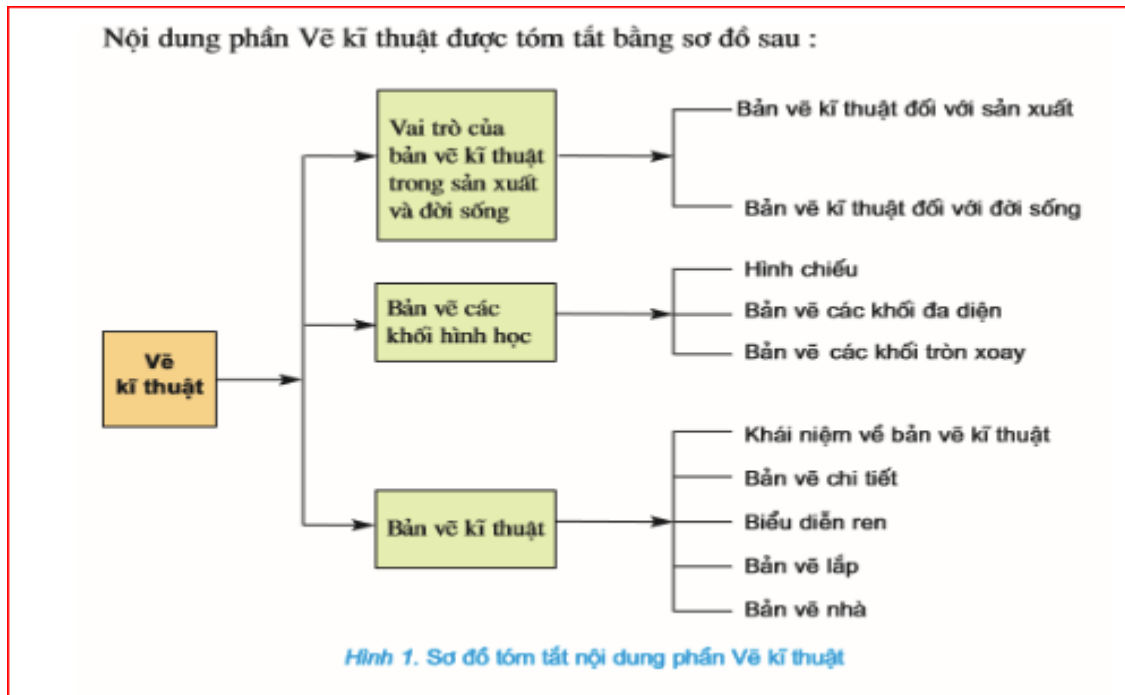
- Ôn tập kiểm tra đánh giá giữa kì I.
- Xem video hướng dẫn nhiều lần.
- Tuần 9 kiểm tra theo lịch chung.

-----HẾT-----

10. MÔN: CÔNG NGHỆ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I PHẦN I: PHẦN VẼ KỸ THUẬT



CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Thế nào là bản vẽ kỹ thuật? Bản vẽ kỹ thuật được lập ra trong giai đoạn nào?

- Bản vẽ kỹ thuật (gọi tắt là bản vẽ) trình bày các thông tin kỹ thuật của sản phẩm dưới dạng các hình vẽ và các kí hiệu theo các quy tắc thống nhất và thường vẽ theo tỷ lệ.
- Bản vẽ kỹ thuật được lập ra trong giai đoạn thiết kế, dùng trong quá trình sản xuất, từ chế tạo, lắp ráp, thi công đến vận hành, sửa chữa, ..

Câu 2: Thế nào là hình chiếu của một vật thể? Kể tên các hình chiếu?

- Hình chiếu của vật thể là hình nhận được của vật thể trên mặt phẳng chiếu
- Có 03 hình chiếu: hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh

Câu 3: Cách các định hình chiếu đứng, bằng, cạnh của vật thể?

- Hình chiếu đứng có hướng chiếu từ trước tới
- Hình chiếu bằng có hướng chiếu từ trên xuống
- Hình chiếu cạnh có hướng chiếu từ trái sang

Câu 4: Vị trí của các hình chiếu trên bản vẽ kỹ thuật?

- Hình chiếu đứng : ở góc trên bên trái bản vẽ.
- Hình chiếu bằng: bên dưới hình chiếu đứng
- Hình chiếu cạnh : bên phải hình chiếu đứng

Câu 5: Thế nào là khối đa diện?

- Khối đa diện được bao bởi các hình đa giác phẳng.

Câu 6: Các hình chiếu của hình chóp đều(có đáy hình vuông) có dạng hình gì?

Hình chiếu của hình chóp đều: (xem hình SGK 4.5 trang 17)

Hình	Hình chiếu	Hình dạng
1	Hình chiếu đứng	Hình tam giác cân

2	Hình chiếu bằng	Hình vuông
3	Hình chiếu cạnh	Hình tam giác cân

Câu 7: Khối tròn xoay được tạo thành như thế nào? Cách tạo thành khối hình trụ, hình nón và hình cầu?

Khối tròn xoay được tạo thành khi quay một hình phẳng quanh một đường cố định (trục quay) của hình.

- a- Khi quay *hình chữ nhật* một vòng quanh một cạnh cố định, ta được *hình trụ*
- b- Khi quay *hình tam giác vuông* một vòng quanh một cạnh góc vuông cố định, ta được *hình nón*.
- c- Khi quay *nửa hình tròn* một vòng quanh đường kính cố định, ta được *hình cầu*.

Câu 8: Nếu đặt mặt đáy của hình trụ song song với mặt phẳng chiếu cạnh thì hình chiếu đứng và hình chiếu cạnh có dạng hình gì?

- Hình chiếu đứng có dạng hình chữ nhật
- Hình chiếu cạnh có dạng hình tròn

Câu 9: Thế nào là hình cắt? Hình cắt dùng để làm gì?

- Hình cắt là hình biểu diễn phần vật thể ở sau mặt phẳng cắt.
- Hình cắt dùng để biểu diễn rõ hơn hình dạng bên trong của vật thể.
- Phần vật thể bị mặt phẳng cắt cắt qua được kẻ gạch gạch.

Câu 10: Nội dung của bản vẽ chi tiết? Bản vẽ chi tiết dùng để làm gì?

- Nội dung của bản vẽ chi tiết gồm: gồm 04 nội dung
- + Hình biểu diễn.
- + Kích thước.
- + Yêu cầu kỹ thuật.
- + Khung tên.
- Bản vẽ chi tiết dùng để chế tạo và kiểm tra chi tiết máy.

Câu 11: Hãy nêu trình tự đọc bản vẽ chi tiết?

Trình tự đọc bản vẽ chi tiết gồm 5 bước:

Bước 1: Khung tên:

- Tên gọi chi tiết
- Vật liệu
- Tỷ lệ

Bước 2: Hình biểu diễn

- Tên gọi hình chiếu
- Vị trí hình cắt

Bước 3: Kích thước

- Kích thước chung của chi tiết
- Kích thước các phần của chi tiết

Bước 4: Yêu cầu kỹ thuật

- Gia công
- Xử lý bề mặt

Bước 5: Tổng hợp

- Mô tả hình dạng và cấu tạo của chi tiết
- Công dụng của chi tiết

Câu 12: Nội dung của bản vẽ lắp? Bản vẽ lắp dùng để làm gì?

- Nội dung của bản vẽ lắp gồm: gồm 04 nội dung
- + Hình biểu diễn.
- + Kích thước.
- + Bảng kê.
- + Khung tên.

- Bản vẽ lắp dùng trong thiết kế, lắp ráp và sử dụng sản phẩm.

Câu 13: Hãy nêu trình tự đọc bản vẽ lắp?

Trình tự đọc bản vẽ lắp gồm 5 bước:

Bước 1: Khung tên:

- Tên gọi sản phẩm
- Tỷ lệ bản vẽ

Bước 2: Bảng kê

- Tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết

Bước 3: Hình biểu diễn

Tên gọi hình chiếu, hình cắt

Bước 4: Kích thước

- Kích thước chung
- Kích thước lắp giữa các chi tiết
- Kích thước xác định khoảng cách giữa các chi tiết

Bước 5: Phân tích chi tiết

- Vị trí của các chi tiết

Bước 6: Tổng hợp

- Trình tự tháo, lắp
- Công dụng của sản phẩm

Câu 14: Thế nào là ren ngoài và ren trong? Quy ước vẽ ren ngoài và ren trong?

- Ren ngoài là ren được hình thành ở mặt ngoài của chi tiết
- Ren trong là ren được hình thành ở mặt trong của lỗ.

*** Quy ước vẽ ren ngoài và ren trong (ren nhìn thấy):**

- Đường đỉnh ren được vẽ bằng *nét liền đậm*
- Đường chân ren được vẽ bằng *nét liền mảnh*
- Đường giới hạn ren được vẽ bằng *nét liền đậm*
- Vòng đỉnh ren được vẽ đóng kín bằng *nét liền đậm*
- Vòng chân ren được vẽ hở (chỉ $\frac{3}{4}$ vòng tròn) bằng *nét liền mảnh*

B.LUYỆN TẬP:

- Xem lại các bài tập trong SGK trang 19,21,27,28
- Xem lại các bài tập 1 trang 53 và bài tập 2 trang 54
- Xem lại cách đọc bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp trong SGK trang 32,42

*****DẶN DÒ:**

- Học sinh ghi bài: hình 1- Sơ đồ tóm tắt nội dung phần vẽ kỹ thuật vào tập.
- Học bài, ôn bài theo các câu hỏi ôn tập; xem video ôn tập GK1 Công Nghệ 8.
- Xem lại các bài tập theo hướng dẫn; các bài tập trên trang lớp học.
- Tuần 9- thứ ba ngày 2/11/21 kiểm tra GK1 môn Công Nghệ 8 theo lịch của trường.
- Học sinh phải đăng nhập vào trang <http://lophoc.hcm.edu.vn> trước giờ làm bài 15 phút để giám thị điểm danh.

-----HẾT-----

11. MÔN: ÂM NHẠC KHỐI 8

TIẾT 8: ÔN TẬP KIỂM TRA (TT)

1. Ôn tập bài hát:

- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời, tập trình bày bài có tình cảm bài hát Mùa thu ngày khai trường

- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời, tập trình bày bài có tình cảm bài hát Lí đĩa bánh bò

2. Ôn tập bài Tập đọc nhạc: :

- Tập đọc tên nốt và giai điệu, ghép lời bài TĐN số 1

- Tập đọc tên nốt và giai điệu, ghép lời bài TĐN số 2

3. Ôn tập Âm nhạc thường thức:

a. Nhạc sĩ Trần Hoàn và bài hát Một mùa xuân nho nhỏ

- Tìm hiểu về tiểu sử và sự nghiệp của nhạc sĩ Trần Hoàn

- Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời và nội dung bài hát Một mùa xuân nho nhỏ

b. Nhạc sĩ Hoàng Vân và bài hát Hồ kéo pháo

- Tìm hiểu về tiểu sử và sự nghiệp của nhạc sĩ Hoàng Vân

- Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời và nội dung bài hát Hồ kéo pháo

-----HẾT-----

12. MÔN: ĐỊA LÝ 8

Chủ đề 1+2: CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI, KINH TẾ CỦA CHÂU Á.

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

ÔN TẬP KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I

1) Vị trí địa lí và kích thước của châu lục.

- Châu Á có diện tích lớn nhất trong các châu lục trên TG. (DT: 44,4 triệu km²)
- Châu Á tiếp giáp với 3 đại dương (TBD, BBD, ÁDD) và 2 Châu lục (Châu Âu, Châu Phi).

2) Đặc điểm địa hình

- Địa hình bị chia cắt phức tạp.
- Châu Á là châu lục có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao và đồng bằng lớn nhất trên TG.
- Các dãy núi và sơn nguyên cao đồ sộ của Châu Á phân bố ở vùng trung tâm (dãy núi cao nhất là dãy Himalaya).

3) Khí hậu

a. Khí hậu Châu Á phân hóa rất đa dạng

- + Khí hậu Châu Á phân hóa thành nhiều đới khác nhau: **Do lãnh thổ trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo.**
- + Các đới khí hậu Châu Á phân hóa thành nhiều kiểu khác nhau: **Do lãnh thổ rộng lớn, trải dài trên nhiều vĩ độ và ảnh hưởng của các dãy núi.**

b. Khí hậu Châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa

4) Sông ngòi.

- Khá phát triển nhiều hệ thống sông lớn.
- Phân bố không đều và có chế độ nước phức tạp

5) Cảnh quan tự nhiên:

Phân hóa đa dạng phụ thuộc vào địa hình và khí hậu.

6) Đặc điểm dân cư, xã hội, kinh tế.

- Châu Á là châu lục đông dân nhất TG. Tuy nhiên tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm do thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.
- Mật độ dân số cao, dân cư phân bố không đều:
 - + Dân cư đông đúc ở khu vực đồng bằng ven biển, nơi có khí hậu nóng ẩm - mưa nhiều (Khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á).
 - + Dân cư thưa thớt ở khu vực khí hậu khắc nghiệt, địa hình hiểm trở (Khu vực Phía Bắc LB Nga và phía Tây Trung Quốc)
- Dân cư Châu Á thuộc nhiều chủng tộc, nhưng chủ yếu là Môn-gô-lô-it và Ô-rô-pê-ô-it.
- Tín ngưỡng đa dạng.

B. LUYỆN TẬP: Xem và học nội dung ôn tập.

-----HẾT-----

13. MÔN: LỊCH SỬ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

CHỦ ĐỀ: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

(Tích hợp bài 8 và bài 22 –mục I)

I. NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VỀ KỸ THUẬT

1/ Thế kỉ XVIII – XIX

- Cuộc CM công nghiệp → sản xuất bằng máy móc lan rộng.
- Kỹ thuật luyện kim được cải tiến, máy chế tạo công cụ ra đời (máy tiện, máy phay, máy bào...)
- Sử dụng nguồn nhiên liệu mới (than đá, dầu mỏ)
- Máy hơi nước ra đời → là động cơ chính của máy móc và phương tiện giao thông vận tải (tàu thủy, xe lửa)
- Thông tin liên lạc: máy điện tín được phát minh ở Nga, Mỹ.
- Nông nghiệp: máy cày, máy gặt đập... và phân hóa học được sử dụng.
- Quân sự: Chế tạo nhiều loại vũ khí mới (chiến hạm vỏ thép chạy bằng chân vịt, súng trường, ngư lôi...)

2/ Đầu thế kỉ XX

Có nhiều phát minh mới trong các lĩnh vực như: ra-đa, điện thoại, điện ảnh, máy bay, ...

II. NHỮNG TIẾN BỘ VỀ KHOA HỌC

1/ Khoa học tự nhiên

Thời gian	Nhà khoa học	Tên phát minh
Đầu thế kỉ XVIII	Niu-ton	Thuyết vạn vật hấp dẫn (thuyết Trọng lực)
Năm 1837	Puóc-kin-giơ	Thuyết về sự phát triển của thực vật và đời sống mô động vật
Giữa thế kỉ XVIII	Lô-mô-nô-xốp	Định luật bảo toàn vật chất và năng lượng
Năm 1859	Đác-uyn	Thuyết tiến hóa và di truyền
Đầu thế kỉ XX	An-be Anh-tanh	Thuyết tương đối

Và nhiều thành tựu khoa học khác trong các lĩnh vực Hóa học, Sinh học, Vật lý, khoa học về Trái Đất...

2/ Khoa học xã hội: ra đời một số học thuyết như

- Chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng
- Chính trị kinh tế học tư sản
- Chủ nghĩa xã hội không tưởng
- Đặc biệt là Chủ nghĩa xã hội khoa học (Mác và Ăng ghen)

III. THÀNH TỰU VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT

1/Văn học:

*Nội dung: chống chế độ phong kiến, ca ngợi tự do, phê phán chủ nghĩa tư bản, đấu tranh giải phóng con người... ;

*Các nhà tư tưởng, nhà văn, nhà thơ tiêu biểu:

-Thế kỉ XVIII: Vôn-te (Pháp), Si-lơ và Gớt (Đức), Bai-rơn (Anh)...

-Thế kỉ XIX: Ban-đắc (Pháp), Đích-ken (Anh), Gô-gôn và Lép Tôn-xtôi (Nga) ...

2/ Nghệ thuật

-Âm nhạc: Mô-da (Áo), Bách và Bét-tô-ven (Đức), Trai-cốp-xki (Nga) ...

-Hội họa: Đa-vít, Cuốc-bê (Pháp), Gô-i-a (Tây Ban Nha)...

* Ý NGHĨA:

-Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, văn học và nghệ thuật đã mang lại đời sống vật chất và tinh thần tốt đẹp hơn cho con người.

-Nhưng mặt khác, một số thành tựu đã được sử dụng làm phương tiện gây nên thảm họa cho nhân loại.

B. LUYỆN TẬP

Em hãy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

- Thành tựu kỹ thuật quan trọng nhất của thế kỉ XVIII-XIX là
 - Máy phay, máy tiện, máy bào
 - Máy hơi nước
 - Xe lửa chạy bằng động cơ hơi nước
 - Máy điện tín
- Thuyết vạn vật hấp dẫn do nhà bác học nào phát minh?
 - Niu-ton
 - Lô-mô-nô-xốp
 - Puốc-kin-giơ
 - An-be Anh-tanh
- Nhà bác học Đác-uyn đã phát minh gì trong lĩnh vực Sinh học?
 - Thuyết Trọng lực
 - Thuyết về sự phát triển của thực vật và đời sống mô động vật
 - Thuyết tiến hóa và di truyền
 - Định luật bảo toàn vật chất và năng lượng
- Một số thành tựu kỹ thuật tiêu biểu đầu thế kỉ XX là
 - Máy chế tạo công cụ
 - Máy cày, máy gặt đập, phân hóa học
 - Chiến hạm vô thép chạy bằng chân vịt, súng trường, ngư lôi
 - Ra-đa, điện thoại, điện ảnh, máy bay
- Nhà bác học tiêu biểu nhất đầu thế kỉ XX là
 - Niu-ton
 - An-be Anh-tanh
 - Đác-uyn
 - Lô-mô-nô-xốp

C. DẶN DÒ

- Các em ôn tập nội dung bài từ tuần 1-7 (theo hướng dẫn trong video) chuẩn bị cho tuần 9 làm bài KTĐG Giữa HK 1.
- Thường xuyên lên trang Lớp học kết nối (*lophoc.hcm.edu.vn*) để xem bài học, làm bài tập (nếu có).
- Tìm hiểu cách làm bài kiểm tra trên Lớp học kết nối để thực hiện đúng khi làm bài KTĐG Giữa HK 1.
- Theo dõi và ghi nhớ ngày kiểm tra môn Lịch sử (theo Lịch KTĐG Giữa HK 1 của nhà trường).

-----HẾT-----

14. MÔN: VẬT LÝ 8

Ô TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ 1

A. LÝ THUYẾT:

PHẦN 1- CHUYỂN ĐỘNG:

1. Chuyển động cơ học

Sự thay đổi vị trí của một vật theo thời gian so với vật mốc gọi là chuyển động cơ học.

2. Tính tương đối của chuyển động và đứng yên

Một vật có thể là chuyển động so với vật này nhưng lại là đứng yên so với vật khác tùy thuộc vào vật mốc.

3. Các dạng chuyển động thường gặp

- Chuyển động thẳng.
- Chuyển động cong. (chuyển động tròn là chuyển động cong đặc biệt)

4. Tốc độ:

- Tốc độ cho biết mức độ nhanh hay chậm của chuyển động và được xác định bằng độ dài quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

- Công thức: $v = \frac{s}{t}$

v: vận tốc

s: độ dài quãng đường đi được

t: thời gian đi quãng đường đó

- Đơn vị hợp pháp của tốc độ: m/s ; km/h

5. Chuyển động đều

Chuyển động đều là chuyển động có tốc độ **không thay đổi** theo thời gian.

6. Chuyển động không đều

Chuyển động không đều là chuyển động có tốc độ **thay đổi** theo thời gian.

3. Vận tốc trung bình của chuyển động không đều:

Nếu có 1 quãng đường: $v_{tb} = \frac{s}{t}$

Nếu có nhiều quãng đường: $v_{tb} = \frac{s_1+s_2+\dots}{t_1+t_2+\dots}$

PHẦN 2- LỰC:

1/ Lực có thể làm biến dạng, thay đổi chuyển động (nghĩa là thay đổi vận tốc) của vật.

2/ Lực vừa có độ lớn vừa có phương và chiều nên được gọi là đại lượng véc tơ.

3/ Lực được biểu diễn bằng một mũi tên có:

+ Gốc là điểm đặt của lực.

+ Phương và chiều trùng với phương và chiều của lực.

+ Độ dài biểu thị cường độ của lực theo tỉ xích cho trước.

- Kí hiệu của véc tơ lực: \vec{F}

- Kí hiệu cường độ của lực : F

4/ Hai lực cân bằng là hai lực cùng đặt lên một vật, có cường độ bằng nhau, phương cùng nằm trên một đường thẳng, chiều ngược nhau.

- Dưới tác dụng của các lực cân bằng;

+ Một vật đang *đứng yên* thì sẽ *tiếp tục đứng yên*;

+ Một vật đang *chuyển động* thì sẽ *tiếp tục chuyển động thẳng đều*.

5/ Quán tính:

Khi có lực tác dụng, mọi vật không thể thay đổi vận tốc một cách đột ngột được vì có quán tính.

6/Lực ma sát:

- Lực ma sát trượt sinh ra khi một vật trượt trên bề mặt một vật khác.

- Lực ma sát lăn sinh ra khi một vật lăn trên bề mặt một vật khác.

* **Độ lớn của lực ma sát trượt lớn hơn nhiều so với độ lớn của lực ma sát lăn.**

- Lực ma sát nghỉ giữ cho vật không bị trượt hoặc lăn khi vật chịu tác dụng của lực khác.

- **Lực ma sát có thể có hại:**

Cách làm giảm:

- Bôi trơn dầu, nhớt, mỡ kỹ thuật

- Chuyển ma sát trượt thành ma sát lăn như gắn bánh xe, trụ lăn

- Giảm lực ép lên mặt tiếp xúc

- **Lực ma sát có thể có lợi:**

Cách làm tăng:

- Tăng độ nhám bề mặt tiếp xúc

- Bánh xe có khía, rãnh sâu

- Tăng diện tích tiếp xúc, tăng lực ép lên mặt tiếp xúc.

B – LUYỆN TẬP:

Hãy chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ trống:

1/ Một xe tải đang chạy trên đường. Ta nói xe tải so với mặt đường và so với tài xế. (*đứng yên/chuyển động*)

2/ Chuyển động của xe đạp lên dốc là chuyển động còn chuyển động của đầu kim giây của đồng hồ kim trôi là chuyển động (*đều/không đều*)

3/ Một bình hoa nằm trên bàn. Bình hoa có trọng lực cân bằng với của mặt bàn lên bình hoa. (*trọng lực/phản lực*)

4/ Khi xe đột ngột thắng gấp, hành khách trên xe bị ngã do quán tính. (*sang trái/sang phải/chúi về trước*)

5/ Khi cưa gỗ, chỗ tiếp xúc giữa lưỡi cưa và gỗ sinh ra lực ma sát (*nghi/lăn/trượt*)

6/ Khi đi giày bị mòn, lực ma sát là có (*lợi/hại*)

7/ Ô bi giúp giảm được lực ma sát nhờ thay ma sát thành ma sát (*lăn/trượt*).

C – DẶN DÒ:

Ôn lại từ bài 1 đến bài 6 để chuẩn bị KTGK 1

-----HẾT-----

***** HỌC SINH GHI CHÉP LẠI CÂU HỎI, THẮC MẮC LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BỘ MÔN THEO MẪU DƯỚI ĐÂY!!!**

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

Họ và tên HS:

Lớp:

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Hóa học		
5	GDCD		
6	Tin học		
7	Công nghệ		
8	Sinh học		

9	Mỹ thuật		
10	Thể dục		
11	Tiếng Anh		
12	Lịch sử		
13	Địa lý		
14	Âm nhạc		